TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ K** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 24-7-2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ K, TỈNH HẢI DƯƠNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đặng Đức Huấn.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Chí Dựng.
2. Bà Đinh Thị Tin.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thăng Long-Thư ký Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã K, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hương-Kiểm sát viên.

Ngày 24/7/2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân thị xã K, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 133/2023/TLST-HNGĐ ngày 13/4/2023 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/6/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa 25/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/7/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1976.
Đăng ký HKTT: Khu dân cư HT, phường H, thị xã K, tỉnh Hải Dương.
Nơi cư trú: Khu dân cư PS, phường A, thị xã K, tỉnh Hải Dương.
Bị đơn: Ông Nguyễn Văn P1, sinh năm 1968.
Địa chỉ: Khu dân cư HT, phường H, thị xã K, tỉnh Hải Dương.
Bà H1, ông P1 vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn-Bà Nguyễn Thị H1 trình bày:

1. Về quan hệ vợ chồng: Bà và ông Nguyễn Văn P1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã (Viết tắt: UBND)-Nay là phường H, thị xã K, tỉnh Hải Dương vào ngày 16/11/2011. Trước khi kết hôn với ông P1, bà kết hôn với ông Nguyễn Thắng Vinh, sinh năm 1973 và sinh được hai con là Nguyễn Ngọc Long, sinh năm 1997 và Nguyễn Thị Ngọc Ánh, sinh năm 2003. Do cuộc sống vợ chồng mâu thuẫn nên bà và ông Vinh đã giải quyết ly hôn vào năm 2010, khi giải quyết ly hôn do ông Vinh là đối tượng

nghiện ma túy nên Tòa án giao cả hai con cho bà nuôi dưỡng; còn ông P1 trước đây cũng đã kết hôn và có 2 con riêng là Nguyễn Thị Trang, sinh năm 1990 và Nguyễn Thị Mỹ Duyên, sinh năm 1994. Vợ ông P1 bị bệnh nên mất.

Sau khi kết hôn với ông P1, bà và con gái là cháu Nguyễn Thị Ngọc Ánh về sống cùng ông P1 và 02 con riêng của ông P1, còn cháu Nguyễn Ngọc Long thì sống cùng ông bà nội ở khu dân cư An Cường, phường H. Quá trình chung sống cùng ông P1 thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do trong cuộc sống ông P1 thường xuyên tính toán riêng cho bản thân, không quan tâm, chia sẻ đến bà và con riêng của bà mặc dù bà đã hết lòng vì gia đình và con riêng của ông P1. Bên cạnh đó, ông P1 thường xuyên đánh chửi bà. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cụ thể là vào ngày 20/01/2023 (âm lịch) ông P1 đã cầm dao đuổi chém bà, do sợ hãi bà đã phải dọn ra ngoài thuê nhà trọ ở khu dân cư PS, phường A, thị xã K cùng với cháu Ngọc Ánh và sống ly thân với ông P1 từ đó đến nay. Vào tháng 4/2023, ông P1 có đến nhà trọ phá cửa, phá tài sản riêng của bà, bà đã báo Công an phường A lập biên bản về việc ông P1 gây rối và đập phá tài sản của bà. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng và không thể hàn gắn đoàn tụ được nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông P1.

2. Quan hệ về con chung: Bà và ông P1 có 01 con là Nguyễn Việt A1, sinh ngày 13/01/2013. Nay ly hôn vì điều kiện chỗ ở chưa ổn định nên bà đề nghị giao cháu Việt A1 cho ông P1 nuôi dưỡng.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại Biên bản ghi lời khai và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, bị đơn-ông Nguyễn Văn P1 trình bày*:

1. Về quan hệ hôn nhân: Về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn như bà Nguyễn Thị H1 trình bày. Quá trình chung sống thì vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng trong cách sống, bà H1 thường xuyên cáu gắt, nói nhiều, do không kìm nén được nên ông có mắng và đánh bà H1 nhưng không đến mức căng thẳng. Ngày 20/01/2023 (âm lịch) bà H1 bỏ nhà ra ngoài thuê nhà trọ cho đến nay, ông có đến phòng trọ của bà H1 để nói chuyện hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng nhưng bà H1 hiểu lầm nên dẫn đến mâu thuẫn. Nay bà H1 có đơn xin ly hôn, ông xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên đề nghị Tòa án động viên hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con chung.

2. Quan hệ về con chung: Ông và bà H1 có 01 con là Nguyễn Việt A1, sinh ngày 13/01/2013. Trường hợp vợ chồng ly hôn ông có nguyện vọng được dưỡng cháu Việt A1 và tự nguyện không yêu cầu bà H1 phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại biên bản xác minh, UBND phường H, thị xã K cung cấp*: Bà Nguyễn Thị H1 và ông Nguyễn Văn P1 là công dân của địa phương, trước đây bà H1 có một đời chồng và ông P1 cũng đã có một đời vợ, do đồng cảm với nhau nên bà H1 và ông P1 tự do tìm hiểu và đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại UBND nhân dân xã - nay là phường H vào ngày 16/11/2011. Sau khi kết hôn ông bà chung sống tại khu dân cư HT, phường H. Quá trình chung sống bà H1 làm công việc bán hàng tại cổng Trung tâm y tế thị xã K, nhiều lần ông P1 góp ý, động viên vợ tập trung chăm sóc gia đình con cái nhưng bà H1 không nghe nên vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn. Quá trình chung sống bà H1 còn hiểu lầm ông P1 về việc không làm sổ bìa đỏ mang tên hai vợ chồng là vì thửa đất này trước đây là của ông P1 và vợ cũ, theo quy định của pháp luật thì không thể làm ngay bìa đỏ đứng tên ông P1, bà H1 được. Theo nắm bắt tại khu dân cư, ý kiến của ông P1, bà H1, địa phương được biết thời gian gần đây ông bà có xảy ra mâu thuẫn nên ông P1 có cầm dao dọa bà H1 nên bà H1 bỏ nhà đi thuê nhà trọ. Địa phương thấy mâu thuẫn của ông P1 bà H1 chưa trầm trọng, ông P1 còn rất thương yêu bà H1 nên đề nghị Tòa án động viên hòa giải để bà H1 rút đơn về đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con chung. Về quan hệ con chung: Bà H1 và ông P1 có 1 con là cháu Nguyễn Việt A1, sinh ngày 13/01/2013. Sau khi bà H1 bỏ đi thì con đang do ông P1 trực tiếp nuôi dưỡng, việc đưa đón con đi học đều do ông P1, bà H1 thiếu trách nhiệm đối với con. Trường hợp ông bà không sống chung được với nhau thì đề nghị Tòa án giao con cho ông P1 nuôi dưỡng.

- *Tại Biên bản ghi lời khai, người làm chứng-bà Nguyễn Thị H2 trình bày*: Bà sinh quán ở huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng. Khoảng năm 1992 bà lấy chồng và về sống tại khu dân cư An Cường, phường H, thị xã K. Quá trình sinh sống tại đây, bà có quen và chơi với bà Nguyễn Thị H1. Khi đó, bà H1 kết hôn và chung sống với ông Nguyễn Đăng Vinh ở cùng xóm với bà. Ngoài việc quen biết thì bà và bà H1 còn đi chợ cùng nhau nên chị em thân tình, thường xuyên chia sẻ với nhau công việc, gia đình, xã hội…Việc mâu thuẫn giữa bà H1 và ông Vinh như thế nào bà không biết, bà chỉ biết sau khi ly hôn với ông Vinh thì bà H1 kết hôn với ông Nguyễn Văn P1. Sau khi kết hôn với ông P1 thì bà H1 về gia đình ông P1 ở khu dân cư HT, phường H sinh sống. Mặc dù không ở cùng xóm nhưng hai chị em vẫn chơi với nhau và đi chợ cùng nhau. Quá trình chung sống với ông P1 bà thấy vợ chồng bà H1, ông P1 có nhiều lần xảy ra mâu thuẫn, lần lâu nhất cách đây khoảng 3-4 năm. Khi đó bà H1 bỏ nhà đi, ông P1 có gọi điện nhờ bà khuyên ngăn, động viên bà H1 quay về đoàn tụ. Sau khi chị em vận động thì bà H1 đã quay về đoàn tụ với ông P1. Tiếp sau đó khoảng 2 lần ông P1 lại gọi điện nhờ bà động viên bà H1 quay về và bà H1 quay về. Lần cuối cùng ông bà mâu thuẫn là vào khoảng tháng 1 âm lịch. Theo bà H1 kể thì ông P1 cầm dao chém bà H1 khiến bà H1 hoảng sợ phải bỏ ra ngoài sống ly thân. Sự việc mâu thuẫn cụ thể như thế nào bà không chứng kiến nên không biết. Bà chỉ nghe

bà H1 kể lại nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng kéo dài và ngày càng trầm trọng là do vợ chồng mâu thuẫn trong việc nuôi dưỡng con riêng, về kinh tế gia đình và việc ông P1 làm thủ tục sổ bìa đỏ không muốn đứng tên bà H1. Ông P1 nhiều lần gọi điện nhờ bà động viên bà H1 về đoàn tụ. Bà đã nhiều lần động viên nhưng bà H1 cương quyết không quay về sống với ông P1.

- *Tại Văn bản trình bày nguyện vọng, người làm chứng-Chị Nguyễn Thị Ngọc Anh trình bày*: Chị là con gái của bà H1, ông P1 là bố dượng chị. Chị sống cùng mẹ và bố dượng từ năm 2011 đến nay là 12 năm. Bố dượng chị là người rất cộc tính, thường xuyên chửi rủa chị và mẹ chị bằng những lời nói tục tĩu, kinh khủng và đáng sợ. Chưa dừng lại ở những câu nói, chị đã nhiều lần chứng kiến bố dượng đánh đập mẹ chị và đánh cả chị, dùng thanh kiếm trên đầu giường kề vào người để đe dọa mẹ chị hay lấy chổi và rễ để đánh mẹ chị. Bởi vì lấy chồng xa quê và luôn nghĩ cho con cái nên mẹ chị đã phải chịu đựng cuộc sống không được tôn trọng. Tuy bố dượng chị luôn lấy danh nghĩa nuôi nấng, dạy dỗ và chăm sóc chị suốt bao năm qua nhưng mọi thứ tiền ăn học hay sức khỏe của chị đều do mẹ chị gánh vác. Bố dượng và mẹ chị có một con chung là Nguyễn Việt A1 sinh năm 2013, hiện nay em còn nhỏ nên bố mẹ rất hạn chế xích mích trước mặt em. Ngày mẹ chị bị đánh đến chạy trốn thì em đã gọi mọi người xung quanh đến giúp mẹ. Sau bao tháng ngày chịu cực khổ mẹ chị đã không chịu được khi bị đánh nên đã bỏ đi. Nguyện vọng của chị là tha thiết mong Tòa án giải quyết việc ly hôn cho mẹ chị để mẹ chị không phải chịu cuộc sống như vậy nữa.

- *Tại Biên bản làm việc do Công an phường A, thị xã K lập hồi 20 giờ 20 phút, ngày 02/4/2023 tại dãy nhà trọ của bà Nguyễn Thị Loan ở khu dân PS, phường A, thị xã K, thể hiện*: Khoảng 20 giờ 15 phút, ngày 02/4/2023 nhận được tin báo của quần chúng nhân dân về việc xảy ra xô xát, cãi chửi, đánh nhau tại dãy nhà trọ của bà Nguyễn Thị Loan, lực lượng công an phường A tiến hành xác minh, khi đến nơi thì thấy có đông người và xảy ra cãi nhau giữa vợ chồng ông Nguyễn Văn P1 và bà Nguyễn Thị H1 tuy nhiên không bị thiệt hại về sức khỏe. Ông P1 và bà H1 cho biết do mâu thuẫn gia đình nên bà H1 đã chuyển ra dãy nhà trọ để ở từ tháng 1/2023 đến ngày 02/4/2023 thì ông P1 có đến phòng trọ số 6 thuộc dãy nhà trọ của bà Loan và dẫn đến việc cãi nhau, xô xát ảnh hưởng đến an ninh, trật tự của dãy trọ. Bà H1 và ông P1 đều cam kết sẽ không xảy ra tình trạng cãi nhau, xô sát như trên.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã K phát biểu ý kiến, xác định Thẩm phán, Hội đồng xét xử (Viết tắt: HĐXX) đã tuân theo đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không chấp hành. Về

đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ các điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà H1 ly hôn ông P1; về con chung: Giao cho ông P1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Nguyễn Việt A1 đến khi con đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của ông P1 về việc không yêu cầu bà H1 phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con; về án phí: Bà H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, HĐXX nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. *Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ trông chấp*: Bà Nguyễn Thị H1 khởi kiện tranh chấp về ly hôn, đây là tranh chấp quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn-ông Nguyễn Văn P1 có địa chỉ: Khu dân cư HT, phường H, thị xã K, tỉnh Hải Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã K theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. *Về thủ tục cấp, tống đạt, thông báo văn bản tố tụng*: Quá trình đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đề nghị Ủy ban nhân dân phường H-nơi bị đơn cư trú tiến hành tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các Giấy triệu tập của Tòa án cho bị đơn, theo quy định tại khoản 2 Điều 172 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng do không đồng ý ly hôn nên bị đơn từ chối nhận văn bản tố tụng, mặc dù đã được giải thích và thông báo về thời gian, địa điểm mở phiên tòa. Việc bị đơn từ chối nhận văn bản tố tụng đã được lập biên bản theo đúng quy định tại khoản 4 Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự. Như vậy, việc cấp, tống đạt, thông báo văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn hợp lệ theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3]. *Về sự vắng mặt của đương sự*: Bà Nguyễn Thị H1 vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông Nguyễn Văn P1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị H1 kết hôn với ông Nguyễn Văn P1 vào ngày 16/11/2011 trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại UBND xã - Nay là phường H, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, bà H1 cùng con riêng là chị Nguyễn Thị Ngọc Anh về nhà ông P1 chung sống. Quá trình chung sống tại đây thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyễn nhân mâu thuẫn là do tính cách vợ chồng không hợp nhau, bất đồng trong việc phát triển kinh tế chung của gia đình. Sự việc mâu

thuẫn trầm trọng, xô xát nên khoảng tháng 01/2023 bà H1 đã dọn ra nhà trọ ở khu dân cư PS, phường A, thị xã K sống ly thân với ông P1 cho đến nay. Tại đây, bà H1, ông P1 tiếp tục xảy ra mâu thuẫn, xô xát. Mặc dù UBND phường H xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa ông P1, bà H1 chưa đến mức trầm trọng và đề nghị Tòa án tiến hành hòa giải để ông P1, bà H1 đoàn tụ nhưng bà H1 có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và giữ nguyên yêu cầu ly hôn ông P1. Căn cứ vào lời khai của người làm chứng là bà Nguyễn Thị H2 và chị Nguyễn Thị Ngọc Anh thì thấy sự việc mâu thuẫn giữa ông P1, bà H1 đã xảy ra tư lâu và xảy ra rất nhiều lần, sau mỗi lần mâu thuẫn bà H1 đều bỏ nhà đi sống ly thân và ông P1 phải nhờ bạn bè bà H1 động viên để bà H1 quay về. Từ những căn cứ nêu trên, có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa bà H1, ông P1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, HĐXX sẽ áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho bà H1 được ly hôn ông P1.

[3]. *Quan hệ về con chung*: Bà H1, ông P1 có 01 con là Nguyễn Việt A1, sinh ngày 13/01/2013. Do chưa có chỗ ở và công việc ổn định nên bà H1 tự nguyện đề nghị Tòa án giao con cho ông P1 nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Văn P1 có nguyện vọng được nuôi con và tự nguyện không yêu cầu bà H1 phải thực hiện nghĩa vụ cấp dương cho con. Tại lời khai con chung cũng thể hiện nguyện vọng được tiếp tục ở với ông P1. Ông P1 hiện có nhà, đất riêng tại khu dân cư HT, phường H, thị xã K. Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình và trẻ em-UBND phường H đề nghị Tòa án giao con cho ông P1 trực tiếp nuôi dưỡng để bảo đảm sự phát triển ổn định của cháu Nguyễn Việt A1. Do đó HĐXX thấy rằng ông Nguyễn Văn P1 có điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Căn cứ các điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình, giao con Nguyễn Việt A1 cho ông P1 trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của ông P1 về việc không yêu cầu bà H1 phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

[4]. *Quan hệ về tài sản chung, nợ chung*: Bà H1, ông P1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5]. *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điều 51, khoản 1 Điều 56; các điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H1. Xử cho bà Nguyễn Thị H1 ly hôn ông Nguyễn Văn P1.

2. Về con chung: Giao cho ông Nguyễn Văn P1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con Nguyễn Việt A1, sinh ngày 13/01/2013 đến khi đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn P1 về việc không yêu cầu bà Nguyễn Thị H1 phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Bà Nguyễn Thị H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H1 phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã K, theo biên lai số AA/2021/0002163 ngày 12/4/2023. Bà Nguyễn Thị H1 đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn (vắng mặt) có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND thị xã K;
- Chi cục THADS thị xã K;
- UBND phường H (*để vào sổ hộ tịch*);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Đặng Đức Huấn